

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,

2. Ông Đinh Gia Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân G - Sinh năm: 1979, “có mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H - Sinh năm: 1979, “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28/5/2020, bản tự khai ngày 11/6/2020, N đơn bà Nguyễn Thị Xuân G trình bày: Bà và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DB, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 12/12/2001. Trong thời gian chung sống, bà và ông H phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Bà xác định không thể

hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Thảo N (sinh ngày 02/8/2003) và Trần Nguyễn Hạnh N (sinh ngày 02/8/2007), bà G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung với ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Trần Văn H nhưng ông H không đến Tòa để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Xuân G và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DB (nay thuộc xã B), huyện D, tỉnh Khánh Hòa, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà G xác định bà và ông H phát sinh mâu thuẫn, không khắc phục được nên chung sống không hạnh phúc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân G được ly hôn với ông Trần Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con chung: Bà G yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thảo N (sinh ngày 02/8/2003) và Trần Nguyễn Hạnh N (sinh ngày 02/8/2007). Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa để trình bày ý kiến hay yêu cầu của mình về người trực tiếp nuôi con chung. Hai con

chung của bà G và ông H đều có nguyện vọng được bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao hai con chung nêu trên cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Văn H đối với hai con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung với ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân G phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân G. Bà Nguyễn Thị Xuân G được ly hôn ông Trần Văn H.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là Trần Thảo N (sinh ngày 02/8/2003) và Trần Nguyễn Hạnh N (sinh ngày 02/8/2007) cho bà Nguyễn Thị Xuân G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Văn H.

- Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Xuân G, ông Trần Văn H đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Xuân G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2019/0001639 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: N đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã B
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Tín

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 15 phút, ngày 11 tháng 9 năm 2020

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện D

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,
2. Ông Đinh Gia Bảo.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân G - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU¹**

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Xét thấy: Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa: 07 giờ 30 ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất như ý kiến nêu trên của bà Phạm Thị Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến nêu trên của bà Phạm Thị Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2020

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện D

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,
2. Ông Đinh Gia Bảo.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân G - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về thủ tục tố tụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Điều luật áp dụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về quan hệ hôn nhân:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân G. Bà Nguyễn Thị Xuân G được ly hôn ông Trần Văn H.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là Trần Thảo N (sinh ngày 02/8/2003) và Trần Nguyễn Hạnh N (sinh ngày 02/8/2007) cho bà Nguyễn Thị Xuân G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Văn H.

- Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Xuân G, ông Trần Văn H đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về sản chung, nợ chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa): Ông Sự xác định không có tài sản chung và nợ chung và tài sản chung với bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về án phí:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Xuân G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001639 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

4. Quyền kháng cáo: N đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Bảo): Thống nhất ý kiến nêu trên của bà Hòa.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến nêu trên của bà Hòa.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 25 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU HOÀ GIẢI

Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

TTAND H D
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020.

Xử: 09/6/2020.

* N đơn: Ông Trần Minh Sự, sinh năm 1993. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: 77 Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 7 Lạc Bình, xã Diên Lạc, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

* Bị đơn: Bà Trần Phạm Kim N, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đá Mài, xã Diên Tân, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* N đơn ông Trần Minh Sự **trình bày:** Năm 2015, tôi và cô Trần Phạm Kim N tự nguyện yêu thương và về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 22/9/2016. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến khoảng thời gian tháng 5/2019 thì giữa tôi và cô N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân cô N thường xuyên đi làm xa và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài cho đến khi tôi phát hiện, vợ chồng nói chuyện với nhau thì N thừa nhận có sự việc này xảy ra, cả hai bên gia đình của tôi và cô N đều biết mâu thuẫn của vợ chồng tôi, không những vậy hai bên gia đình cũng mâu thuẫn với nhau khiến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tôi và cô N không còn chung sống từ tháng 6/2019 cho đến nay. Tôi và cô N xa cách, tình cảm vợ chồng đã

không còn, nếu níu kéo mối quan hệ hôn nhân này cũng không giải quyết được gì. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Trần phạm Kim N để trả tự do cho cả hai.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là Trần Tân Quốc Anh - sinh ngày 10/03/2017. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng với mẹ, tôi đồng ý giao con chung cho cô N trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Tôi xác định tôi và cô N không có tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn bà Trần Phạm Kim N vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do (Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã được niêm yết tại nhà bà Trần Phạm Kim N; địa chỉ: Thôn Đá Mài, xã Diên Tân, huyện D, tỉnh Khánh Hòa , tại Ủy ban nhân dân xã Diên Tân và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D).

Hướng đề xuất giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 93 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Minh Sự. Ông Trần Minh Sự được ly hôn bà Trần Phạm Kim N.

[2] Về con chung:

- Bà Trần Phạm Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục **01 con chung** Trần Tân Quốc Anh– sinh ngày 10/3/2017.

- Bà N không đến Tòa để trình bày yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Sự.

- Ông Sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Sự, bà N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Ông Sự phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.